

Bản án số: 316/2021/HC-PT

Ngày: 27/12/2021

*V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;
Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 349/2020/TLPT-HC ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10363/2021/QĐPT ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1960; trú tại: (thôn My Đ 2, xã Hoàng N), nay là tổ dân phố My Đ 2, thị trấn N1, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hoàng Văn Q, sinh 1960; nơi ĐKKTT: thôn Đồng C, xã Văn X, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn P - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phùng Thị T1, sinh năm 1960;

3.2. Anh Nguyễn Duy Q, sinh năm 1986;

3.3. Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1989;

Cùng trú tại: (thôn My Đ 2, xã Hoàng N), nay là tổ dân phố My Đ 2, thị trấn N1, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; đều vắng mặt.

3.5. Ủy ban nhân dân xã Hoàng N (nay là thị trấn N1), huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2019, bản tự khai và các lời khai tiếp theo người khởi kiện ông Nguyễn Hữu C trình bày:*

Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu C được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp từ trước thời điểm ngày 15/10/1993 tại thôn My Đ 2, xã Hoàng N, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang. Trong năm 1993, Nhà nước có chủ trương giao lại ruộng đất để sử dụng ổn định lâu dài cho các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên hộ gia đình ông C lại bị thu hồi toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đã được Nhà nước giao trước năm 1993 mà không có Quyết định thu hồi đất và sau đó cũng không được chia, giao lại ruộng đất để sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 64/NĐ-CP/1993 ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Vì đất đai là tư liệu sản xuất chính của gia đình ông C, là nguồn chính để gia đình ông C sinh sống mà không được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất theo quy định của pháp luật. Nên nhiều lần ông C làm đơn khiếu nại tới các cơ quan có thẩm quyền về việc gia đình ông không được giao đất nông nghiệp để sản xuất, tuy nhiên đến nay vẫn chưa được giao đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/3/2019, UBND huyện Việt Y ban hành Công văn số 312/UBND-TNMT ngày 08/3/2019 về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Hữu C, thôn My Đ 2, xã Hoàng N. Xét thấy kết luận trong Công văn của UBND huyện Việt Y là không có căn cứ pháp luật, làm ảnh hưởng xấu, không đảm bảo các quyền lợi chính đáng và hợp pháp của ông cũng như các thành viên trong gia đình ông nên ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết những vấn đề sau:

- Đề nghị tuyên hủy Văn bản số 312/UBND-TNMT ngày 08/3/2019 về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Hữu C, thôn My Đ 2, xã Hoàng N của Chủ tịch UBND huyện Việt Y;

- Buộc Chủ tịch UBND huyện Việt Y phải giao đất cho gia đình ông Nguyễn Hữu C đúng theo quy định của pháp luật.

** Tại văn bản trình bày quan điểm và các biên bản làm việc tiếp theo tại*

Tòa án, đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Việt Y là ông Nguyễn Văn P - Phó Chủ tịch UBND huyện Việt Y có lời khai thể hiện: Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện. Lý do:

- Ông Nguyễn Hữu C đề nghị Chủ tịch UBND huyện Việt Y giải quyết đơn của ông với nội dung: Tháng 7/1992, gia đình ông C vào miền Nam làm ăn kinh tế, năm 1992, Nhà nước có chủ trương giao ruộng ổn định, lâu dài cho nhân dân nhưng gia đình ông C không được chia ruộng đất nông nghiệp theo định suất. Do đó, ông C đề nghị trả lại diện tích đất ruộng nông nghiệp theo tiêu chuẩn cho gia đình ông C. Ngày 21/01/2019, Chủ tịch UBND xã Hoàng N đã có Báo cáo số 07/BC-UBND tiếp tục báo cáo kết quả rà soát, xác minh bổ sung.

- Ngày 08/3/2019, Chủ tịch UBND xã Hoàng N có Báo cáo số 28/BC-UBND báo cáo chi tiết kết quả kiểm tra, xác minh giải quyết đơn của ông Nguyễn Hữu C, trú tại thôn My Đ 2, xã Hoàng N, trong đó nêu rõ tại thời điểm giao đất nông nghiệp ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình ông C không có mặt tại địa phương.

Như vậy, ông C không được giao ruộng đất nông nghiệp năm 1992-1993 là đúng quy định tại Mục II. 1 Hướng dẫn số 28/HD-GR ngày 18/01/1992 của Sở Nông nghiệp tỉnh Hà B1 về hướng dẫn giao ruộng đất nông nghiệp. Do đó, việc ông C đề nghị trả lại diện tích đất ruộng nông nghiệp cho gia đình là không có cơ sở. Ngày 08/3/2019, Chủ tịch UBND xã Hoàng N có Báo cáo số 20 đến số 28/BC-UBND và Chủ tịch UBND huyện có Văn bản số 312/UBND-TNMT ngày 08/3/2019 trả lời ông C. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để xem xét.

** UBND thị trấn N1, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang do ông Hoàng Minh Tú - Chủ tịch UBND thị trấn N1 đại diện theo pháp luật có văn bản ngày 14/4/2020 trình bày quan điểm:*

Quá trình kiểm tra, xác minh thấy thông tin về thời điểm chuyển đi miền Nam của gia đình ông Nguyễn Hữu C không thống nhất. Theo ông C cung cấp thì gia đình ông C chuyển đi miền Nam tháng 7/1992 (*sau thời điểm chốt nhân khẩu chia ruộng đất nông nghiệp năm 1992*). Tuy nhiên, tại buổi làm việc giữa UBND xã Hoàng N, Phòng Tài nguyên và Môi trường và các thành phần am hiểu trực tiếp liên quan đến công tác chia ruộng năm 1992 thì xác định gia đình ông Nguyễn Hữu C chuyển đi miền Nam từ trước năm 1992. Quá trình làm việc với ông C thì ông C không cung cấp được giấy tờ, tài liệu gì chứng minh về thời điểm gia đình ông C đi miền Nam.

Đối với việc giao ruộng đất nông nghiệp: Năm 1992, thực hiện chủ trương chung của tỉnh Hà Bắc về giao ruộng đất nông nghiệp, Hợp tác xã thôn My Đ thực hiện rà soát nhân khẩu có mặt tại địa phương để làm cơ sở tính khẩu được giao ruộng (*thời điểm chốt nhân khẩu để giao ruộng là tháng 6/1992*). Các khẩu

không có mặt tại địa phương tại thời điểm rà soát và chốt nhân khẩu sẽ không đủ cơ sở để tính khẩu được giao ruộng (*theo quy định tại Mục II. 1 Hướng dẫn số 28.HD-GR ngày 18/01/1992 của Sở Nông nghiệp tỉnh Hà B1 về hướng dẫn giao ruộng đất nông nghiệp*).

Đối với diện tích liên quan đến đất rau xanh: Năm 1992, khi thực hiện chủ trương giao ruộng đất nông nghiệp ổn định, Hợp tác xã thôn My Đ có rà soát lại nhân khẩu để xác định diện tích đất rau xanh trên cơ sở diện tích đất rau xanh giao năm 1988. Tại thời điểm đó các khẩu trong hộ ông C không có mặt tại địa phương. Theo quy định tại Điều 9 Quyết định về việc giao đất làm ăn kinh tế ngày 14/5/1988 kèm theo Nghị quyết số 337/NQ-HĐ ngày 13/5/1988 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Bắc về việc giao đất làm kinh tế gia đình và khu dân cư, quy định “*Đối với những hộ khi chuyển đi nơi khác hoặc không có nhu cầu sử dụng, người sử dụng đất phải trả lại cho Hợp tác xã hoặc lâm nghiệp*”. Theo chủ trương giao ruộng đất nông nghiệp năm 1992-1993 thì cũng không còn chính sách chia mới, chia lại đất rau xanh; diện tích đất rau xanh của các khẩu có mặt tại địa phương được xác định cơ bản giữ nguyên theo diện tích đã giao năm 1988.

Tại thời điểm năm 1992, Hợp tác xã thực hiện rà soát, đối chiếu chặt chẽ đối với từng khẩu của các hộ, đồng thời trong suốt quá trình triển khai thực hiện, tổ chức giao ruộng xong và đến trước năm 2008 thì địa phương không nhận được ý kiến phản ánh gì của ông C liên quan đến việc không được giao ruộng và đất rau xanh năm 1992. Ngoài ra, Hợp tác xã thôn My Đ cũ không còn hoạt động tính đến thời điểm công dân phản ánh (đã chuyển hóa mô hình sang hình thức thôn). Do đó, không có cơ sở để giải quyết các kiến nghị phát sinh liên quan đến việc xác định khẩu và giao ruộng, đất rau xanh của Hợp tác xã thôn My Đ năm 1992.

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh và làm việc với các thành phần liên quan, việc Hợp tác xã thôn My Đ trước đây xác định các khẩu của gia đình ông Nguyễn Hữu C không đủ cơ sở để tính khẩu được giao ruộng và đất rau xanh là đúng quy định; do đó, không có cơ sở để Hợp tác xã xem xét giao ruộng và đất rau xanh cho các khẩu của gia đình ông Nguyễn Hữu C năm 1992.

Việc ông Nguyễn Hữu C đề nghị UBND huyện Việt Y xem xét giải quyết nội dung “*Phản ánh năm 1992 gia đình ông vào Miền Nam làm ăn kinh tế, năm 1992-1993 nhà nước có chủ trương giao ruộng ổn định, lâu dài cho nhân dân; khi đó địa phương đã tự ý cắt phần đất rau xanh, đồng thời không chia ruộng theo định suất cho gia đình ông*”. Ông C đề nghị chia lại phần diện tích đất rau xanh và diện tích đất nông nghiệp bị cắt năm 1992 cho gia đình ông là không có cơ sở. UBND xã Hoàng N (cũ) đã thụ lý, giải quyết và ban hành các văn bản trả lời đơn của ông Nguyễn Hữu C, trú tại thôn My Đ 2, xã Hoàng N là

khách quan và đúng theo quy định của pháp luật.

Đến nay, UBND xã Hoàng N (nay là thị trấn N1) giữ nguyên quan điểm về kết quả giải quyết đơn của ông Nguyễn Hữu C. Đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Tại văn bản trình bày quan điểm và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Thị T1, anh Nguyễn Duy Q và anh Nguyễn Văn L1 trình bày: Nhất trí với yêu cầu khởi kiện và quan điểm trình bày của ông Nguyễn Hữu C. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT- TTCP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu C về việc:

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tuyên hủy Văn bản số 312/UBND-TNMT ngày 08/3/2019 về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Hữu C, thôn My Đ 2, xã Hoàng N của Chủ tịch UBND huyện Việt Y;

- Buộc Chủ tịch UBND huyện Việt Y phải giao đất cho gia đình ông Nguyễn Hữu C đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2020, người khởi kiện là ông Nguyễn Hữu C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu C giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Từ những năm 1960, ông sinh ra và lớn lên ở tại (thôn My Đ 2, xã Hoàng N), nay là tổ dân phố My Đ 2, thị trấn N1, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, tháng 7 năm 1992, ông đưa cả nhà gồm hai vợ chồng ông và hai con vào tỉnh Đắc Lắc làm ăn, tháng 10/1992, ông trở lại quê thì thấy ruộng, rau nhà ông đã bị xã, huyện lấy chia cho người khác nên ông đã kiện đòi liên tục từ đấy cho đến nay, vẫn chưa được trả lại đất và cũng không cấm đền nơi khác, sau đó ông trở lại Đắc Lắc làm ăn, đến tháng 11 năm 1993 ông cùng gia đình trở lại quê sinh sống và liên tục

có đề nghị xã, huyện trả lại đất cho ông nên ông đã khiếu kiện thì Chủ tịch UBND huyện Việt Y có Văn bản số 312/UBND-TNMT ngày 08/3/2019 về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Hữu C. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hủy văn bản nói trên và hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với người khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 9, Điều 55, Điều 56, Điều 78, Điều 83, Điều 115 đến Điều 119, Điều 153, Điều 225, Điều 243, Điều 253 Luật Tổ tụng hành chính. Đối với người bị kiện: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 9, Điều 55, Điều 57, Điều 78, Điều 83, Điều 93, Điều 128, Điều 153, Điều 225, Điều 243, Điều 253 Luật Tổ tụng hành chính. Đối với những người tham gia tố tụng khác: Đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 60 đến Điều 64 Luật Tổ tụng hành chính.

Về hình thức đơn kháng cáo: Căn cứ các Điều 204, Điều 205, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính, đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ, đúng thủ tục, trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ các quyết định, hành vi bị kiện, yêu cầu của người khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định về các vấn đề là có căn cứ. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 31/7/2019, ông Nguyễn Hữu C khởi kiện

yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 312/UBND-MT Ngày 08/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, yêu cầu khởi kiện vụ án hành chính của ông Nguyễn Hữu C trong thời hiệu được xem xét giải quyết.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Nguyễn Hữu C thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định.

[3] Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng: Đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ ba, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ ba, người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử. Căn cứ Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt họ là không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[4] Xét nội dung vụ án và những yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Hữu C đề nghị tuyên hủy Văn bản số 312/UBND-TNMT ngày 08/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang và hủy bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy:

[5] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Văn bản số 312/UBND-TNMT ngày 08/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang: Sau khi Chủ tịch UBND huyện Việt Y nhận được đơn đề nghị của ông Nguyễn Hữu C với nội dung: “Phản ánh năm 1992 gia đình ông vào Miền Nam làm ăn kinh tế, năm 1992 - 1993 nhà nước có chủ trương giao ruộng ổn định, lâu dài cho nhân dân; khi đó địa phương đã tự ý cắt phần đất rau xanh, đồng thời không chia ruộng theo định suất cho gia đình ông”, Chủ tịch UBND huyện Việt Y, đã giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chủ tịch UBND xã Hoàng N kiểm tra, xác minh và báo cáo cụ thể những vấn đề có liên quan đến người khởi kiện là ông Nguyễn Hữu C. Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì Chủ tịch UBND huyện Việt Y giải quyết đơn đề nghị là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành văn bản.

[6] Về nội dung Văn bản số 312/UBND-TNMT ngày 08/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang ban hành trên các căn cứ sau:

- Báo cáo số 07/BC- UBND Ngày 21/01/2019 của Chủ tịch UBND xã Hoàng N.

- Ngày 25/01/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức làm việc

với ông C để làm rõ một số nội dung có liên quan đến nội dung khiếu kiện.

- Ngày 08/3/2019, Chủ tịch UBND xã Hoàng N có Báo cáo số 28/BC-UBND báo cáo chi tiết kết quả kiểm tra, xác minh giải quyết đơn của ông Nguyễn Hữu C, trú tại: (thôn My Đ 2, xã Hoàng N), nay là tổ dân phố My Đ 2, thị trấn N1, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, trong đó nêu rõ việc ông Nguyễn Hữu C đề nghị trả lại diện tích đất ruộng nông nghiệp và đất rau xanh cho gia đình ông là không có cơ sở.

- Ngày 26/10/2018, Chủ tịch UBND xã Hoàng N có Báo cáo số 80/BC-UBND báo cáo kết quả xác minh.

- Căn cứ chủ trương tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp theo Nghị quyết số 10/NQ-TW của Bộ Chính trị khóa VI. Sở Nông nghiệp Hà Bắc có Hướng dẫn số 28/HD-GR ngày 18/01/1992 về việc giao ruộng đất ổn định lâu dài và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ nông dân, quy định các bước tiến hành giao ruộng ở Hợp tác xã, theo đó UBND huyện giữ vai trò vạch ra kế hoạch triển khai thực hiện còn Hợp tác xã có kế hoạch tổ chức thực hiện bàn bạc quyết định cách giao, mức giao, đối tượng được giao quy định tại mục 1 của Hướng dẫn. Theo đó, việc thống kê nhân khẩu có mặt, vắng mặt theo quy định được tính giao ruộng cho từng hộ tại thời điểm 31/12/1991. Đến năm 1992-1993, thực hiện chủ trương chung của Nhà nước về giao ruộng đất nông nghiệp như trên, các địa phương trong đó có Hợp tác xã thôn My Đ thực hiện rà soát nhân khẩu đủ điều kiện để giao ruộng (thời điểm chốt nhân khẩu để giao ruộng là tháng 6 năm 1992). Hướng dẫn số 28/HD-GR ngày 18/01/1992, chỉ rõ cơ sở để tính giao ruộng là khẩu hoặc định suất. Khẩu được tính giao ruộng đất bao gồm khẩu có mặt đã đăng ký hộ khẩu tại địa phương tính đến ngày 31/12/1991; khẩu vắng mặt và các đối tượng khác.

[7] Ông Nguyễn Hữu C thuộc trường hợp các đối tượng khác quy định tại mục II của Hướng dẫn: “...những trường hợp có khẩu ở địa phương, là xã viên HTX nhưng không làm nông nghiệp hoặc đã chuyển đi nơi khác sinh sống đến thời điểm giao ruộng quá 6 tháng, thì không được giao ruộng”. Thực tế và theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ông Nguyễn Hữu C, sinh 13/02/1960 có sinh sống ở địa phương và ngày 07/4/2017 được cấp giấy chứng minh nhân dân (BL 09). Từ tháng 7/1992, cả nhà đi vào làm ăn ở tỉnh Đắc Lắc đến tháng 3/2013 mới trở lại địa phương để xin đăng ký hộ khẩu, đến ngày 15/5/2018 ông Nguyễn Hữu C mới được cấp sổ hộ khẩu số: 040446809, ông là chủ hộ (BL 06). Như vậy, mặc dù có ở địa phương, là xã viên hợp tác xã nhưng đã chuyển đi nơi khác sinh sống (trước năm 1992 đến năm 2013 mới về địa phương xin nhập khẩu lại) đến thời điểm giao ruộng (tháng 6/1992) quá 6 tháng nên không được giao theo quy định tại phần II. 1 của Hướng dẫn. Đối với trường hợp khẩu vắng mặt được giao ruộng theo Hướng dẫn số 28 bao gồm: “*Thương binh nặng đang điều trị tại*

các trại an dưỡng, quân nhân đang làm nghĩa vụ quân sự; học sinh đi học ở các trường đại học, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề do xã và Hợp tác xã cử đi”. Do đó, ông Nguyễn Hữu C không thuộc đối tượng trong quy định. Việc ông Nguyễn Hữu C khai tại phiên tòa phúc thẩm tháng 12/1992 ông đã có hộ khẩu tại địa phương khi đi Miền Nam ông cất khẩu theo KT3 là không có cơ sở, không đúng với các tài liệu mà chính quyền địa phương đang quản lý. Theo quy định tại Điều 9 Quyết định về việc giao đất làm ăn kinh tế ngày 14/5/1988 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Bắc (trước đây) chỉ rõ: “... *Đối với những hộ khi chuyển đi nơi khác hoặc không có nhu cầu sử dụng, người sử dụng đất phải trả lại cho hợp tác xã hoặc lâm nghiệp*”. Trên cơ sở các tài liệu quản lý về nhân khẩu và tạm trú tạm vắng và kết quả kiểm tra, xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường, của Chủ tịch UBND xã Hoàng N như nêu ở trên. Chủ tịch UBND huyện Việt Y đã ban hành Văn bản số 312/UBND-TNMT ngày 08/3/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu C là có cơ sở, phù hợp với thực tế và chính sách pháp luật.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Chủ tịch UBND huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang ban đã hành Văn bản số 312/UBND-TNMT ngày 08/3/2019 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật và bản án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận các nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C; ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm là có cơ sở được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[9]. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1960 nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Hữu C; Giữ nguyên Bản án

hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí: Ông Nguyễn Hữu C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Hạnh